TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày 20/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Huy Giáp; ông Nguyễn Sơn Hải.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang tham gia phiên toà*:* Bà Đặng Bùi Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2026, tại điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang; điểm cầu thành phần: Trại tạm giam số 2 tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2026/TLST-HS ngày 23/7/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-HS ngày 07/8/2026 đối với bị cáo:

VÀNG VĂN D; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 13 tháng 12 năm 2001, tại: xã P, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKHKTT: thôn T (nay là thôn B), xã P, tỉnh Tuyên Quang; Số CCCD: 00220100xxxx; Nơi ở hiện tại: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, Đoàn thể, Đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Họ tên bố: Vàng Văn L, sinh năm 1975; Họ tên mẹ: Vàng Thị T, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa có; Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: Ngày 28/4/2025 bị TAND huyện Gia Lâm (cũ), thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 63/2025/HS-ST. Đến ngày 12/8/2025, Vàng Văn D chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 08/5/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Ngọc M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt

- Bị hại:

+ Lù Seo C, sinh năm: 1999. Địa chỉ: thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang, xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lù Seo C: Bà Bùi Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt

+ Trần Xuân T1, sinh năm: 1989. HKTT: thôn N, xã K, tỉnh Hưng Yên; tạm trú: Tổ H, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bàn Văn Đ, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nùng Văn C1. Xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19/4/2026 Vàng Văn D đi xe ôm từ bến xe khách H lên cửa khẩu quốc tế T4 với mục đích để tìm việc làm. Khi đến xã T, tỉnh Tuyên Quang, D gặp Lù Seo C, Nùng Văn C1 và Lù Văn M1, đều là những người đang làm công việc bốc vác hàng hoá tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế T4 thì D có hỏi xin đi làm cùng, cả ba đồng ý và cho D vào ở cùng phòng trọ.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C rủ D đi ra quán uống bia, D đồng ý. Sau đó Lù Seo C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA màu đen, biển kiểm soát 22AB – 331.84 của C chở theo D đến quán H1 thuộc thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang, cách phòng trọ khoảng hơn 01 km, C và D cùng nhau uống bia đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì cả hai về phòng trọ nghỉ. C điều khiển xe mô tô chở D đi được khoảng 300 mét thì thấy một bãi đất trống nên dừng lại để đi vệ sinh, C dựng xe ở lề đường và đi vệ sinh cách vị trí dừng xe khoảng 30 mét, lúc này xe mô tô vẫn chưa tắt máy, sau khi đi vệ sinh xong C quay về vị trí để xe mô tô và rủ D đi vào phòng trọ của người quen để rủ mọi người đi hát. D đồng ý và đi cùng C. Khi đi đến đầu dãy nhà trọ thì D nghe thấy có tiếng người phụ nữ bên trong nên D không đi cùng C nữa mà quay trở lại vị trí để xe mô tô để đợi C, còn C tiếp tục đi vào phía trong dãy nhà trọ. Do phòng trọ của người quen đóng cửa nên C đứng trước cửa phòng gọi điện thoại và nói chuyện khoảng 10 phút *(Vị trí C đứng trước cửa phòng trọ cách vị trí C để xe mô tô là 30m và bị che khuất tầm nhìn).*

Trong thời gian chờ C quay lại, thấy chiếc xe mô tô vẫn đang trong tình trạng nổ máy, cắm sẵn chìa khóa nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Quan sát không thấy C để ý nên D điều khiển xe mô tô đi về hướng phường H, tỉnh Tuyên Quang với mục đích tìm chỗ để bán chiếc xe trên. Trên đường đi, Vàng Văn D dừng xe, mở cốp xe và phát hiện bên trong có 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 2200078035 do Công an xã N, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 06/02/2026, mang tên chủ xe Lù Seo Cường, địa chỉ: thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, D điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy A. Tú Motor *(địa chỉ: số B đường N, phường H, tỉnh Tuyên Quang)* do anh Trần Xuân T1 làm chủ để bán chiếc xe vừa chiếm đoạt được. Khi giao dịch, D đưa cho anh T1 Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên và giới thiệu chiếc xe do D mua lại của người quen nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi thỏa thuận, D bán chiếc xe cho anh Trần Xuân T1, với số tiền 12.000.000 đồng *(mười hai triệu đồng)*, sau đó D mua lại của anh T1 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu đen bạc, biển kiểm soát 34AA- 089.16; đăng ký xe mang tên Đỗ Thạch S; địa chỉ thôn B,

thị trấn L, C, Hải Dương với số tiền 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*. Sau khi trừ tiền mua xe, T1 trả cho D số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)*. Đến khoảng 11 giờ 30 ngày 21/4/2026, D điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO đi lên khu vực xã T, tỉnh Tuyên Quang để tìm việc làm thì bị ngã, làm xe bị hư hỏng nên D mang xe đến quán sửa chữa xe máy của anh Bàn Văn Đ để sửa chữa, do chưa sửa được ngay nên Đ hẹn D hôm sau quay lại lấy xe. Thấy Đ nói vậy nên D thỏa thuận bán lại chiếc xe trên cho Đ với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, D bắt taxi về khu vực phường H để chơi. Toàn bộ số tiền bán 02 chiếc xe môtô trên D sử dụng vào chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 06/5/2026 D tiếp tục đi đến cửa hàng A.T2 motor chơi. Khi đến nơi D thấy cửa hàng vẫn mở nhưng không có người trông coi, D ngồi ở cửa hàng chơi khoảng 05 phút đồng thời quan sát tại cửa hàng có nhiều xe môtô, trong đó có 01 (một) xe môtô nhãn hiệu YALIM, màu đen, biển kiểm soát 15AF-167.81 đang cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa, để ở khu vực phía ngoài, gần cửa ra vào nên D nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên đồng thời tiến về vị trí chiếc xe dắt xe đi cách cửa hàng khoảng 30m thì nổ máy đi về hướng khu vực cầu C để chơi. Đến ngày 07/5/2026 D điều khiển chiếc xe trên đi lên địa phận xã T, tỉnh Tuyên Quang để tìm việc làm thì bị lực lượng Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Giá trị của chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 22AB – 331.84, số khung RLHJA3931SY509910, số máy JA70E1246526, xe được sản xuất năm 2025 lắp ráp trong nước, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá (tháng 5/2026) là: 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Giá trị của chiếc xe môtô nhãn hiệu YALIM, màu đen, biển kiểm soát 15AF-167.81, số khung RL9SCBEL7PDA04536, số máy HDA139FMBA004536 tại thời điểm định giá (tháng 5/2026) là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*).

Tại Kết luận giám định số 828/KL/KTHS ngày 18/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 (Hai) file video cần giám định ký hiệu A1, A2. Trích xuất được 19 (Mười chín) ảnh mô tả đặc điểm, diễn biến người, đồ vật liên quan trong 02 (Hai) file video cần giám định ký hiệu A1, A2 *(Có phụ lục ảnh giám định kèm theo)*.

Ngày 18/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phối hợp với các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả quá trình thực nghiệm điều tra ngày 18/6/2026 hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành thu giữ tài liệu, đồ vật sau:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 22AB – 331.84, số khung RLHJA3931SY509910, số máy JA70E1246526 kèm theo 01 *(Một)* đăng ký xe số 2200078035, do Công an xã N, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 06/02/2026, tên chủ xe Lù Seo Cường; Địa chỉ: Thôn C, Xã P, tỉnh Tuyên Quang, là tài sản hợp pháp của Lù Seo C.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu ESPERO màu đen bạc, biển kiểm soát 34AA-089.16, số khung B4PEJA419024, số máy 39FMB3419024 (*đã qua sử dụng*) kèm theo 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe số 237998, do Phòng C2 Công an tỉnh H cấp ngày 19/6/2018; tên chủ xe Đỗ Thạch S, địa chỉ Thôn B, TT L, C, Hải Dương, là tài sản hợp pháp của Trần Xuân T1.

- 01(một) xe môtô nhãn hiệu YALIM, màu đen, biển kiểm soát 15AF-167.81, số khung RL9SCBEL7PDA04536, số máy HDA139FMBA004536 (*xe đã qua sử dụng*), là tài sản hợp pháp của Trần Xuân T1 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000235 do Công an huyện T, TP . cấp ngày 07/8/2023, tên chủ xe Phạm Thị T3, địa chỉ P, P, T, Hải Phòng, là tài sản hợp pháp của Trần Xuân T1.

Vật chứng là tài liệu được lưu trong hồ sơ vụ án gồm: 01 *(một)* đĩa DVD, một mặt đĩa màu vàng có chữ "Maxell", lưu trữ 01 file video tên "IMG_7669.mp4", dung lượng 84, 142, 945 bytes, mã MD5 là FDB212F96C0F8DE9D081C12AED944959 (ký hiệu A1) và 01 file video tên "7761443656846.mp4", dung lượng 3,235,090 bytes, mã MD5 là 5D8D72401F9B625A91A5838ADBCFCAFD (ký hiệu A2). Mẫu ký hiệu A1, A2 được đựng trong 01 phong bì thư, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi " Mẫu hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2", mặt sau phong bì có các hình dấu tròn đỏ của Phòng K, Công an tỉnh T và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

Xử lý vật chứng: Ngày 19/5/2026, anh Lù Seo C, Trần Xuân T1 có đơn xin lại tài sản. Xét thấy việc trả lại 03 chiếc xe mô tô nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên ngày 28/5/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Đối với bị hại Lù Seo Cường: Sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe mô tô, anh C không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

- Đối với bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Xuân T1, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh T1 là 02 chiếc xe môtô nhãn hiệu YALIM, màu đen, biển kiểm soát 15AF-167.81 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu đen bạc, biển kiểm soát 34AA- 089.16. Tại Cơ quan điều tra anh T1 yêu cầu bị cáo D phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) là khoản tiền anh T1 đã bỏ ra để mua chiếc xe do D phạm tội mà có sau khi đã trừ đi số tiền bị cáo D đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu đen bạc, biển kiểm soát 34AA- 089.16 của anh T1.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Văn Đ: Tự nguyện trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và có đơn từ chối nhận tiền bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSKV4 ngày 23/7/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang truy tố bị cáo Vàng Văn D về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Vàng Văn D từ 24 tháng đến 26 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng cho bị cáo, do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Không

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 đồng và 1.500.000 đồng, căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX truy thu sung NSNN đối với tổng số tiền 7.000.000đ là số tiền bị cáo có được từ hành vi phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 12, Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng Văn D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Bị hại Lù Seo Cường không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị hại Trần Xuân T1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại số tiền 5.500.000đ nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bàn Văn Đ không biết chiếc xe máy bị cáo D đem sửa và bán lại cho anh với giá 1.500.000 đồng là xe bị cáo đi trộm cắp, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với qua điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, nhất trí với quan điểm cua Kiểm sát viên về việc truy thu số tiền bị cáo do phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị bại C: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, áp dụng pháp luật, mức hình phạt, án phí, về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu.

Lời nói sau cùng: Trong trại giam bị cáo đã suy nghĩ rất nhiều, ăn năn về hành vi sai trái của mình, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 –Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại Lù S, bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Xuân T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bàn Văn Đ, người làm chứng, có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không bị ảnh hưởng đến quyền lợi. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Vàng Văn D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc (kèm bản ảnh); Biên bản xác định hiện trường (kèm bản ảnh); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản làm việc; biên bản xác minh; Kết luận giám định số 828/KL/KTHS ngày 18/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T; Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2026, số 04/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Tuyên Quang; lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2026 đến ngày 06/5/2026, bị cáo Vàng Văn D đã 02 lần có hành vi trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị cáo Vàng Văn D đã chiếm đoạt được của các bị hại là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*, cụ thể như sau:

[3.1] Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 19/4/2026, Vàng Văn D Trộm cắp 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát 22AB – 331.84 của anh L1 Seo Cường, có trị giá là 14.000.000 đồng *(Mười bốn triệu đồng)*.

[3.2] Lần 2: Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 06/5/2026 Vàng Văn D tiếp tục Trộm cắp 01 (một) xe môtô nhãn hiệu YALIM, màu đen, biển kiểm soát 15AF-167.81 của anh Trần Xuân T1, có trị giá là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

[4] Căn cứ vào các mục [3], [3.1], [3.2] có đủ cơ sở xác định bị cáo Vàng Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025), có khung hình phạt bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Vàng Văn D về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất mức độ: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân. Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội, vụ án không có đồng phạm khác.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, là thanh niên trẻ khỏe nhưng bị cáo lại ham chơi, lười lao động lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 28/4/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 12/8/2025 bị cáo chấp hành xong án phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mình mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; thể hiện ý thức thức coi thường pháp luật và có nguy cơ tiếp tục phạm tội. Mặt khác, sau khi chấp hành án trở về địa phương, bị cáo thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, gây khó khăn cho công tác quản lý, giáo dục của chính quyền địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 BLHS, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng tình tiết khác là tình tiết giảm nhe quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/4/2025 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 63/2025/HS-ST, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần trong vụ án này nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vàng Văn D không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với 03 chiếc mô tô thu giữ đã được trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, HĐXX không đề cập. Đối với số tiền 5.500.000 đồng và 1.500.000 đồng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường (tổng là 7.000.000 đồng), là khoản tiền bị cáo D do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo D nộp lại số tiền này để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

[12.1] Bị hại Lù Seo C đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường khoản thiệt hại nào khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.2] Quá trình điều tra bị hại (cũng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) Trần Xuân T1 yêu cầu bị cáo D phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)*. Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/8/2026 anh Trần Xuân T1 không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)* nêu trên nữa, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Văn Đ tự nguyện trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và có đơn từ chối nhận tiền bồi thường, HĐXX không xem xét.

[13] Đối với Trần Xuân T1 là người mua lại chiếc xe mô tô loại WAVE ALPHA màu đen, biển kiểm soát 22AB – 331.84 từ V, quá trình điều tra xác định T1 không biết chiếc xe trên là do D trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý Trần Xuân T1 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[14] Đối với Bàn Văn Đ là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu đen bạc, biển kiểm soát 34AA-089.16 từ Vàng Văn D. Quá trình điều tra xác định chiếc xe được mua bằng số tiền do Vàng Văn D có được từ việc bán tài sản trộm cắp được. Bàn Văn Đ không biết việc Vàng Văn D đã sử dụng số tiền có nguồn gốc từ hành vi phạm tội để mua chiếc xe này, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Bàn Văn Đ là có căn cứ.

[15] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo

[16] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[17] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2025): Xử phạt bị cáo Vàng Văn D 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 08/5/2026).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS:

- Đối với 03 chiếc mô tô thu giữ đã được trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, HĐXX không đề cập.

- Tịch thu (truy thu) của bị cáo Vàng Văn D số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng)* do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

4. Trách nhiệm dân sự: Không.

5. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12, điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng Văn D.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- VKSND KV 4-Tuyên Quang;
- CQ CSĐT CA tỉnh Tuyên Quang;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- CQ THAHS;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HSTHA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Huy Giáp **Nguyễn Sơn Hải** **Nguyễn Thị Thúy Yên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- VKSND KV 4-Tuyên Quang;
- CQ CSĐT CA tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HSTHA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Yên